

Số: 60/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP Đ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 56/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn T, xã C, TP. H, tỉnh Q

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1993

Trú tại: Tổ 08, phường H, quận N, TP. Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có Trần Minh K, sinh ngày 11/9/2016. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận bà H trực tiếp nuôi con Trần Minh K. Ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.00.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Lệ phí Tòa án: ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con Trần Minh K, sinh ngày 11/9/2016 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con Trần Minh K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án là 300.000đ, 300.000đ ông Đ và bà H mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0009997 ngày 23/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N TP. Đ. (Ông và Bà đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
- UBND p. H, q. N.
(số đăng ký 98/2016);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Công Hoan

